TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 47

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số thập phân 288,289, chữ số 9 thuộc hàng nào?

A. hàng phần trăm **B.** hàng phần mười

C. hàng phần nghìn **D.** hàng chục

Câu 2. Làm tròn số 98,243 đến hàng phần mười ta được:

A. 98,24 **B.** 98,3 **C.** 98,4 **D.** 98,2

Câu 3. 49,125 × 100 = …….

A. 4912,5 **B.** 491,25 **C.** 49 125 **D.** 4,9125

Câu 4. Kết quả của phép tính 8/9 − 1/6 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 4/27 **B.** 7/9 **C.** 7/15 **D.** 13/18

Câu 5. 12 ha = ……. m²

A. 1 200 000 **B.** 120 000 **C.** 1200 **D.** 12 000

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy 18 cm, chiều cao 12 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 30 cm² **B.** 216 cm² **C.** 60 cm² **D.** 108 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 18 đơn vị, 9 phần mười, 1 phần trăm, 6 phần nghìn viết là: …….

b) Phân số 7/50 viết dưới dạng số thập phân: …….

c) Hỗn số 2 51/100 viết dưới dạng số thập phân: …….

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 15,37 × 4 = …….

b) 9,47 × 8,5 + 9,47 × 1,5 = …….

c) 33,9 + 35,9 + 1,1 + 2,1 = …….

Bài 3. Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) 9/8 + 2/9 = …….

b) 3/2 − 1/3 = …….

c) 1/3 × 1/2 = …….

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 m 9 cm = …… m

b) 1 kg 45 g = …… kg

c) 8 ha = …… m²

d) 9500 m² = …… ha

Bài 5. Một thửa ruộng hình thang ABCD có đáy lớn AB = 63 m, đáy bé DC = 19 m, chiều cao 33 m (như hình). Trung bình cứ 1 m² thu hoạch được 1,5 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

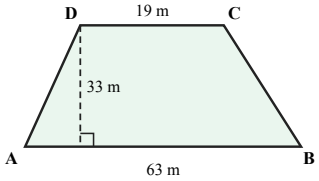

a) Diện tích thửa ruộng: …… m²

b) Số thóc thu hoạch được: …… kg

Bài 6. Một tổ may cắt 4 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 2,7 m vải. Giá mỗi mét vải là 65 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 47

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	A	D	B	D

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 18,916

b) 7/50 = 14/100 = 0,14

c) 2,51

Bài 2.

a) (2,5 × 4) × 15,37 = 10 × 15,37 = 153,7

b) 9,47 × (8,5 + 1,5) = 9,47 × 10 = 94,7

c) (33,9 + 1,1) + (35,9 + 2,1) = 35 + 38 = 73

Bài 3.

a) 9/8 + 2/9 = 97/72

b) 3/2 − 1/3 = 7/6

c) 1/3 × 1/2 = 1/6

Bài 4.

a) 3,09

b) 1,045

c) 80 000

d) 0,95

Bài 5.

Diện tích: (63 + 19) × 33 : 2 = 1353 (m²)

Số thóc: 1353 × 1,5 = 2029,5 (kg)

Bài 6.

Số vải: 2,7 × 4 = 10,8 (m)

Số tiền: 65 000 × 10,8 = 702 000 (đồng)